

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN CHÂU TRINH

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 06/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phan Châu Trinh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Phan Châu Trinh ban hành theo Quyết định số 116/QĐ-ĐHPCT ngày 24 tháng 02 năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026 của Trường Đại học Phan Châu Trinh.

Điều 2. Thông tin tuyển sinh có thể được điều chỉnh, cập nhật theo tình hình thực tế và theo quy định của Quy chế tuyển sinh và các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Phòng Tuyển sinh, Trưởng các phòng ban, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết)
- Lưu VT, TC-HC.



GS. TS. BS. Lê Văn Cường

THÔNG TIN TUYỂN SINH 2026
(Hình thức đào tạo: Đại học hệ chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Phan Châu Trinh
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DPC
- 3. Địa chỉ trụ sở:** Số 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://pctu.edu.vn>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0962.553.155; 0981.559.255
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:**

<https://pctu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh.html>

- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**

Đường link về chương trình đào tạo:

https://pctu.edu.vn/daihoc_hechinhquy.html

Đường link về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

<https://pctu.edu.vn/doi-ngu-giang-vien.html>

Đường link về cơ sở vật chất:

<https://pctu.edu.vn/thong-tin-co-so-vat-chat.html>

Đường link về quy mô và hoạt động đào tạo:

<https://pctu.edu.vn/hoatdongdaotao.html>

Đường link về hoạt động học tập, nghiên cứu và đời sống sinh viên:

<https://pctu.edu.vn/cuoc-song-sinh-vien.html>

Đường link về kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo:

<https://pctu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển, bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật

1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có điểm xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh của trường quy định cụ thể cho từng phương thức;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Phan Châu Trinh tuyển sinh theo hình thức xét tuyển theo 5 phương thức như sau:

- Phương thức 1 (mã PT1): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
- Phương thức 2 (mã PT2): Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)
- Phương thức 3 (mã PT3): Xét điểm thi Đánh giá năng lực
- Phương thức 4 (mã PT4): Xét kết quả tốt nghiệp Đại học
- Phương thức 5 (mã PT5): Xét tuyển thẳng

2.1. Phương thức 1 (Mã PT1): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Điểm xét tuyển = ĐM1 + ĐM2 + ĐM3 + Điểm UT. Trong đó:

- ĐM1, ĐM2, ĐM3 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của 03 môn tương ứng với 03 môn của tổ hợp xét tuyển. Trong số các tổ hợp xét tuyển quy định cho từng ngành, tổ hợp có điểm cao nhất sẽ được chọn để xét cho thí sinh.
- Điểm UT: Là điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, được xác định Quy chế tuyển sinh hiện hành (*chi tiết ở mục 5.2*).

Với tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, điểm môn Tiếng Anh có thể được chọn từ điểm thi môn Tiếng Anh hoặc điểm quy đổi từ chứng chỉ IELTS theo bảng quy đổi ở mục 5.4 tùy theo điểm nào cao hơn.

Độ lệch chuẩn giữa các tổ hợp xét tuyển là 0 (không).

2.2. Phương thức 2 (Mã PT2): Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)

Điểm xét tuyển = ĐM1 + ĐM2 + ĐM3 + Điểm UT. Trong đó:

- ĐM1, ĐM2, ĐM3 là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của 03 môn học theo tổ hợp xét tuyển. Trong số các tổ hợp xét tuyển quy định cho từng ngành, tổ hợp có điểm cao nhất sẽ được chọn để xét cho thí sinh.
- Điểm UT: Là điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, được xác định Quy chế tuyển sinh hiện hành (*chi tiết ở mục 5.2*).

Với tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, điểm môn Tiếng Anh có thể được chọn từ điểm trung bình cả năm lớp 10, 11 và 12 môn Tiếng Anh hoặc điểm quy đổi từ chứng chỉ IELTS theo bảng quy đổi ở mục 5.4 tùy theo điểm nào cao hơn.

Độ lệch chuẩn giữa các tổ hợp xét tuyển là 0 (không).

2.3. Phương thức 3 (Mã PT3): Xét điểm thi Đánh giá năng lực

Điểm xét tuyển được quy định như sau:

- Với kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG Hồ Chí Minh tổ chức

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{NL1} + \text{Điểm UT}) / 1200 * 100$$

Trong đó, NL1 là điểm bài thi Đánh giá năng lực ĐHQG Hồ Chí Minh

- Với kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG Hà Nội tổ chức

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{NL2} + \text{Điểm UT}) / 150 * 100$$

Trong đó, NL2 là điểm bài thi Đánh giá năng lực ĐHQG Hà Nội.

- Với kỳ thi V-SAT do các đơn vị khác tổ chức

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{NL3} + \text{Điểm UT}) / 450 * 100$$

Trong đó, NL3 là tổng điểm của 3 bài thi Toán, Hóa, Sinh hoặc Toán, Lý, Sinh hoặc Toán, Sinh, Tiếng Anh.

Với mỗi kỳ thi, trường hợp thí sinh dự thi nhiều lần thì điểm thi cao nhất trong các lần sẽ được chọn để xét.

Điểm UT: Là điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, được xác định Quy chế tuyển sinh hiện hành (*chi tiết ở mục 5.2*).

2.4. Phương thức 4 (Mã PT4): Xét kết quả tốt nghiệp Đại học

Điểm xét tuyển được quy định như sau:

- Trường hợp điểm tốt nghiệp toàn khóa (ĐCK) của chương trình đại học được tính theo thang điểm 10:

$$\text{Điểm xét tuyển} = \text{ĐCK} \times 3$$

- Trường hợp điểm ĐCK được tính theo thang điểm 4:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{ĐCK} \times 30) / 4$$

2.5. Phương thức 5 (Mã PT5): Xét tuyển thẳng:

Thực hiện theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào:

a. Phương thức 1:

- Đối với những ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, điểm xét tuyển không thấp hơn ngưỡng điểm do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong năm tuyển sinh năm 2026.
- Đối với ngành Tâm lý học, Quản trị bệnh viện, Trường Đại học Phan Châu Trinh sẽ công bố theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Phương thức 2:

- Với ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt: Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về sau và có kết quả học tập cả năm lớp 10, 11 và 12 được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 8,5$. Không xét với thí sinh theo học hệ giáo dục thường xuyên (GDTX).
- Với ngành Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Kỹ thuật xét nghiệm: Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2021 trở về sau, có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá hoặc Tốt (học lực xếp loại từ Khá trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 6,5$.
- Với ngành Tâm lý học, Quản trị bệnh viện: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15,00 điểm trở lên (không áp dụng đối với thí sinh thuộc diện đặc cách xét tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế áp dụng phương thức xét tuyển thẳng hoặc thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước).

c. Phương thức 3:

- Với ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt: Thí sinh có kết quả học tập cả năm lớp 10, 11 và 12 được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 8,5$ và có điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM (NL1) ≥ 700 hoặc của ĐHQG HN (NL2) ≥ 90 , hoặc có điểm bài thi V-SAT (NL3) ≥ 270 . Với tổ hợp NL3 thì yêu cầu có thi môn Sinh hoặc có học môn Sinh ở bậc THPT.
- Với ngành Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Kỹ thuật xét nghiệm: Thí sinh có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá hoặc Tốt (học lực xếp loại từ Khá trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT $\geq 6,5$ và có điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM (NL1) ≥ 600 hoặc của ĐHQG HN (NL2) ≥ 80 , hoặc có điểm bài thi V-SAT (NL3) ≥ 230 .
- Với ngành Tâm lý học, Quản trị bệnh viện: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15,00 điểm trở lên (không áp dụng đối với thí sinh thuộc diện đặc cách xét tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế áp dụng phương thức xét tuyển thẳng hoặc thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước) và có điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM (NL1) ≥ 500 hoặc của ĐHQG HN (NL2) ≥ 60 , hoặc có điểm bài thi V-SAT (NL3) ≥ 180 .

d. Phương thức 4:

- Với ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt: Thí sinh tốt nghiệp đại học hệ chính quy các ngành thuộc khối ngành sức khỏe và đạt một trong các tiêu chí sau:

- a) Tốt nghiệp đại học loại Giỏi trở lên;
- b) Tốt nghiệp đại học loại Khá và có kết quả học tập cả năm lớp 10, 11 và 12 được đánh giá mức Tốt (học lực xếp loại từ Giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8.0 trở lên theo thang điểm 10.
- Với ngành Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Kỹ thuật xét nghiệm: Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành thuộc khối ngành sức khỏe và đạt một trong các tiêu chí sau:
 - a) Tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên;
 - b) Tốt nghiệp đại học loại Trung bình và có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá hoặc Tốt (học lực xếp loại từ Khá trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6.5 trở lên theo thang điểm 10.
- Với ngành Tâm lý học, Quản trị bệnh viện: Tốt nghiệp một đại học khác với ngành dự tuyển.

e. Phương thức 5:

Thực hiện xét tuyển thẳng theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tại mục 7.

3.2. Điểm trúng tuyển

Nhà trường công bố quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào chỉ tiêu của từng ngành và quy tắc quy đổi tương đương này, Hội đồng tuyển sinh sẽ thực hiện xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp của điểm xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu hoặc bằng với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của từng ngành.

Điểm trúng tuyển là mức điểm tối thiểu mà thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn đủ điều kiện trúng tuyển; được làm tròn đến hàng phần trăm.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	170 (Trong đó 70 chỉ tiêu dành cho SV Quốc tế)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, A01, B00, B08, D07. Có áp dụng quy đổi chứng chỉ IELTS. - Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3 - Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK. - Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						GD-ĐT.
2.	7720501	Răng – Hàm – Mặt	7720501	Răng – Hàm – Mặt	50	<p>- Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, A01, B00, B08, D07. <i>Có áp dụng quy đổi chứng chỉ IELTS.</i></p> <p>- Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3</p> <p>- Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK.</p> <p>- Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.</p>
3.	7720301A	Điều dưỡng đa khoa	7720301	Điều dưỡng	70	<p>- Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, A01, B00, B08, D07. <i>Có áp dụng quy đổi chứng chỉ IELTS.</i></p> <p>- Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3</p> <p>- Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK.</p> <p>- Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.</p>
4	7720301B	Điều dưỡng Nha khoa	7720301	Điều dưỡng	30	<p>- Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, A01, B00, B08, D07. <i>Có áp dụng quy đổi chứng chỉ IELTS.</i></p> <p>- Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3</p> <p>- Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK.</p> <p>- Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.</p>
5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	50	<p>- Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, A01, B00, B08, D07. <i>Có áp dụng quy đổi chứng chỉ IELTS.</i></p> <p>- Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3</p>

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
						<p>- Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK.</p> <p>- Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.</p>
6	7340101	Quản trị bệnh viện	7340101	Quản trị kinh doanh	30	<p>- Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, C01, C02, C14, D01.</p> <p>- Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3.</p> <p>- Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK.</p> <p>- Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.</p>
7	7310401	Tâm lý học (định hướng lâm sàng và tham vấn tâm lý)	7310401	Tâm lý học	50	<p>- Phương thức 1 & 2: Tổ hợp xét A00, B00, B03, C01, C02, D01.</p> <p>- Phương thức 3: Tổ hợp xét NL1, NL2, NL3</p> <p>- Phương thức 4: Tổ hợp xét tuyển DCK.</p> <p>- Phương thức 5: Theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.</p>

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào trường

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Với ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt cần thỏa mãn các điều kiện phụ sau: Thí sinh có độ tuổi không quá 27 tuổi (tính đến ngày 01/09/2026).

- Trường hợp nhiều thí sinh có mức điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách và cùng đạt mức điểm trúng tuyển, nhà trường sẽ ưu tiên chọn lần lượt thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là nguyện vọng có ưu tiên cao nhất) và điểm thi môn Toán (Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026) cao hơn.

5.2. Điểm ưu tiên (UT):

Điểm ưu tiên chỉ áp dụng cho phương thức 1, 2, 3.

Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) giảm dần từ mức 22,5 điểm (hoặc 112,5 điểm / 337.5 điểm / 900 điểm) để đảm bảo tổng điểm xét tuyển không vượt quá điểm tối đa của

thang điểm 30 (hoặc 150/450/1200). Công thức tính cụ thể như sau:

- Với thang điểm 30, công thức tính sẽ là:
Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$
- Với thang điểm 150, công thức tính sẽ là:
Điểm ưu tiên = $[(150 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 37,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$
- Với thang điểm 450, công thức tính sẽ là:
Điểm ưu tiên = $[(450 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 112,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$
- Với thang điểm 1200, công thức tính sẽ là:
Điểm ưu tiên = $[(1200 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 300] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$

Bảng quy định mức điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo từng thang điểm:

TT	Trường hợp ưu tiên	Điểm ưu tiên			
		Thang điểm 30	Thang điểm 150	Thang điểm 450	Thang điểm 1200
1.	Khu vực 1 (KV1)	0,75	3,25	11,25	30,0
2.	Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	0,50	2,25	7,50	20,0
3.	Khu vực 2 (KV2)	0,25	1,25	3,75	10,0
4.	Khu vực 3 (KV3)	0,0	0,0	0,0	0,0
5.	Đối tượng ưu tiên từ 01 đến 04	2,0	10,0	30,0	80,0
6.	Đối tượng ưu tiên từ 05 đến 07	1,0	5,0	15,0	40,0

5.3. Tổ hợp môn xét tuyển

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn
1.	A00	Toán, Lý, Hóa
2.	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
3.	B00	Toán, Hóa, Sinh
4.	B03	Toán, Văn, Sinh
5.	B08	Toán, Sinh, Tiếng Anh
6.	C01	Toán, Văn, Lý
7.	C02	Toán, Văn, Hóa
8.	C14	Toán, Văn, Giáo dục kinh tế & Pháp luật
9.	D01	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh
10.	D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh
11.	NL1	Điểm bài thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hồ Chí Minh

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn
12.	NL2	Điểm bài thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội
13.	NL3	Điểm bài thi V-SAT do các đơn vị khác tổ chức gồm Toán, Hóa, Sinh hoặc Toán, Lý, Sinh hoặc Toán, Sinh, Tiếng Anh
14.	DCK	Điểm tốt nghiệp toàn khóa của chương trình đại học

5.4. Quy đổi điểm chứng chỉ IELTS

Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ sẽ được quy đổi thành điểm môn Tiếng Anh để xét.

Bảng quy đổi như sau:

TT	Mức điểm IELTS	Mức điểm quy đổi
1.	Từ 6,5 trở lên	10
2.	Từ 6,0 đến dưới 6,5	9,5
3.	Từ 5,5 đến dưới 6,0	9,0
4.	Từ 5,0 đến dưới 5,5	8,5
5.	Từ 4,0 đến dưới 5,0	8,0

5.5. Yêu cầu về kiến thức và năng lực cốt lõi để theo học đại học

Để tham gia xét tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường thí sinh cần có kiến thức nền tảng cụ thể như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Yêu cầu về kiến thức và năng lực cốt lõi để theo học đại học
1.	7720101	Y khoa	Có kiến thức nền tảng môn Toán và Sinh học. Thí sinh tham gia xét tuyển cần đảm bảo một trong các tiêu chí sau: - Có điểm tổng kết cả năm của môn Toán và Sinh học ở lớp 12 ≥ 6.5 - Có điểm thi tốt nghiệp THPT Toán và Sinh học đạt ngưỡng do nhà trường công bố. - Tốt nghiệp đại học chính quy khối ngành sức khỏe - Có điểm thi đánh giá năng lực đạt ngưỡng đầu vào (với tổ hợp NL2 và NL3 phải có môn sinh trong bài thi)
2.	7720501	Răng – Hàm – Mặt	
3.	7720301A	Điều dưỡng đa khoa	Có kiến thức nền tảng môn Toán và Sinh học /

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Yêu cầu về kiến thức và năng lực cốt lõi để theo học đại học
4	7720301B	Điều dưỡng Nha khoa	Vật Lý / Hóa học; Đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của từng phương thức.
5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	
6	7340101	Quản trị bệnh viện	Có kiến thức nền tảng môn Toán và Văn học / Sinh;
7	7310401	Tâm lý học (định hướng lâm sàng và tham vấn tâm lý)	Đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của từng phương thức.

6. Tổ chức tuyển sinh

Xét tuyển thẳng:

- Nhận hồ sơ xét tuyển thẳng hạn cuối 17h00 ngày 20/06/2026
- Thông báo kết quả xét tuyển thẳng và cập nhật danh sách trúng tuyển thẳng lên hệ thống xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xét tuyển đợt 1:

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng trên hệ thống xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày 02/7 đến 17h00 ngày 14/07/2026.
- Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trước 17h00 ngày 10/7/2026.
- Từ ngày 15/07 đến 17h00, ngày 21/07/2026 thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thí sinh xét tuyển kết hợp với chứng chỉ IELTS thì nộp bản sao chứng chỉ về trường trước ngày 14/07/2026.
- Trước 17h00 ngày 13/08/2026 công bố danh sách trúng tuyển
- Từ ngày 13/08 đến 17h00 ngày 21/08/2026 thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và làm thủ tục nhập học tại trường theo hướng dẫn.

Xét tuyển đợt bổ sung: Từ ngày 22/08/2026 tiến hành xét tuyển đợt bổ sung (nếu có)

Báo cáo kết quả tuyển sinh: Hạn cuối ngày 30/12/2026

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các môn thi, nội dung dự thi, đoạt giải được xét vào các ngành cụ thể theo bảng bên dưới:

a. Đối với giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:

TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	- Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế, khu vực (Vàng, Bạc, Đồng) hoặc thành viên đội tuyển quốc tế các môn: Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học. - Thí sinh đạt giải ba trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT môn: Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học, Tiếng Anh.	Y khoa	7720101
		Răng – Hàm – Mặt	7720501
		Điều dưỡng đa khoa	7720301A
		Điều dưỡng Nha khoa	7720301B
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601
2	- Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế, khu vực (Vàng, Bạc, Đồng) hoặc thành viên đội tuyển quốc tế các môn: Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học. - Thí sinh đạt giải ba trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT môn: Ngữ văn, Toán, Hóa học, Vật lý, Sinh học, Tiếng Anh.	Quản trị bệnh viện	7340101
		Tâm lý học (định hướng lâm sàng và tham vấn tâm lý)	7310401

b. Giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia

TT	Lĩnh vực	Tên chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Hóa Sinh, Y sinh và khoa học sức khỏe, Kỹ thuật Y sinh, Sinh học tế bào và phân tử, Vi sinh, Y học dịch chuyển	Y khoa	7720101
		Răng – Hàm – Mặt	7720501
		Điều dưỡng đa khoa	7720301A
		Điều dưỡng Nha khoa	7720301B
		Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601
2		Quản trị bệnh viện	7340101

	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học	Tâm lý học (định hướng lâm sàng và tham vấn tâm lý)	7310401
--	--------------------------------------	--	---------

7.2. Đối với thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không tham gia xét tuyển thẳng được cộng điểm khi đăng ký xét tuyển vào các ngành tương ứng với môn thi như trong phần 7.1. Cụ thể như sau:

TT	Giải	Điểm cộng			
		Thang điểm 30	Thang điểm 150	Thang điểm 450	Thang điểm 1200
1.	Nhất / Vàng	1,0	5,0	15,0	40,0
2.	Nhì / Bạc	0,75	3,25	11,25	30,0
3.	Ba / Đồng	0,50	2,25	7,50	20,0
4	Khuyến khích	0,25	1,25	3,75	10,0

Điểm cộng được tính trước khi tính điểm ưu tiên và đảm bảo tổng điểm xét không vượt quá điểm tối đa của thang điểm 30 (hoặc 150/450/1200).

7.3. Xét tuyển thẳng thí sinh là người nước ngoài; thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam (theo khoản 4, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh hiện hành):

a. Điều kiện chung

- Tốt nghiệp chương trình giáo dục THPT tại nước sở tại hoặc chương trình giáo dục tương đương với trình độ THPT tại Việt Nam, có lý lịch bản thân rõ ràng, trung thực, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật Việt Nam và nước sở tại.
- Đáp ứng điều kiện về sức khỏe theo quy định của Trường Đại học Phan Châu Trinh. Sau khi nhập học, sinh viên sẽ được kiểm tra sức khỏe tại 1 trong các bệnh viện thuộc hệ thống của trường
- Đối với chương trình sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong đào tạo thì thí sinh phải đạt một trong các yêu cầu sau:
 - Thí sinh thuộc các quốc gia sử dụng Tiếng Anh hoặc đã sinh sống và học tập tại quốc gia sử dụng Tiếng Anh từ 3 năm trở lên.
 - Học chương trình phổ thông hoàn toàn bằng Tiếng Anh.
 - Có chứng chỉ Tiếng Anh được công nhận trình độ tương đương IELTS 6,0 trở lên
 - Có chứng chỉ Tiếng Anh được công nhận trình độ tương đương IELTS 5,5 trở lên và được hội đồng đánh giá phỏng vấn và xác nhận đủ năng lực theo học.

- Đối với chương trình sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt trong đào tạo thì thí sinh phải đạt một trong các yêu cầu sau:
 - Có chứng chỉ Tiếng Việt được công nhận trình độ tương đương B2 (Bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực Tiếng Việt quy định tại Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện Tiếng Việt.
 - Đã sinh sống và học tập tại Việt Nam từ 3 năm trở lên.

b. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:

- Sinh viên Ấn Độ:
 - Ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt: Có điểm trung bình chung 04 môn Lý (Physics), Hóa học (Chemistry), Sinh học (Biology), Tiếng Anh của năm cuối cấp (trình độ XII) đạt mức 60 điểm trở lên và ngôn ngữ học tập trong 02 năm học cuối cùng (trình độ XI và XII) là Tiếng Anh hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 6,0 trở lên.
 - Các ngành khác: Điều kiện Có tổng điểm cả năm đạt từ 50 điểm trở lên.
- Sinh viên quốc gia khác:
 - Tại các quốc gia áp dụng thang điểm 04 trong đánh giá thì điều kiện xét của ngành Y khoa, Răng – Hàm – Mặt có GPA năm cuối cấp $\geq 3,2$ và chương trình THPT có học 03 môn Toán, Hóa, Sinh (hoặc Lý, Hóa, Sinh; hoặc Toán, Lý, Sinh); Các ngành còn lại có GPA $\geq 2,5$.
 - Tại các quốc gia áp dụng thang điểm 10 trong đánh giá thì điều kiện xét của ngành Y khoa, Răng – Hàm – Mặt có GPA năm cuối cấp $\geq 8,0$; Các ngành còn lại có GPA $\geq 6,5$
 - Trường hợp khác thì Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập để nhận vào học theo điểm d, khoản 4, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh quy định tại Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Thực hiện theo Quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường cam kết luôn đảm bảo quyền lợi cho người học tối đa.

Trường hợp thí sinh có thắc mắc cần hỗ trợ và giải quyết liên hệ về email: tuyensinh@pctu.edu.vn hoặc hotline 0981.559.255 để được kịp thời xử lý.

10. Các nội dung khác

Học phí khóa tuyển sinh năm 2026 cụ thể theo các ngành như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành	Học phí/ Học kỳ (*) (ĐVT: VNĐ)	Số học kỳ / năm
1	7720101	Y Khoa	Y Khoa	44.000.000	2 học kỳ
2	7720501	Răng – Hàm – Mặt	Răng – Hàm – Mặt	46.750.000	2 học kỳ
3	7720301A	Điều dưỡng đa khoa	Điều dưỡng	12.000.000	2 học kỳ
4	7720301B	Điều dưỡng Nha khoa	Điều dưỡng	12.000.000	2 học kỳ
5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	12.000.000	2 học kỳ
6	7340101	Quản trị bệnh viện	Quản trị kinh doanh	13.000.000	2 học kỳ
7	7310401	Tâm lý học (định hướng lâm sàng và tham vấn tâm lý)	Tâm lý học	12.500.000	2 học kỳ

(*) **Lưu ý:** Học phí được giữ ổn định trong toàn khóa.

JC
TRƯỜNG
ĐẠI
AN CH.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Học bạ	50	85	24/30	50	29	25/30	50
					Điểm thi THPT	35	14	21.5/30	35	39	22.5/30	35
					Xét tuyển thí sinh Quốc tế	70	70	60/100	60	60	60/100	60
					Khác	10	1	-	10	0	-	10
2	7720501	Răng – Hàm – Mặt	7720501	Răng – Hàm – Mặt	Học bạ	20	42	24.25/30	20	20	25/30	20
					Điểm thi THPT	20	5	21.75/30	20	10	22.5/30	20
					Khác	10	1		10	1		10
3	7720301A	Điều dưỡng đa khoa	7720301	Điều dưỡng	Học bạ	40	48	19.5/30	40	31	19/30	40
					Điểm thi THPT	25	3	17/30	25	5	19/30	25
					Khác	5	2	-	5	-	-	5
4	7720301B	Điều dưỡng Nha khoa	7720301	Điều dưỡng	Học bạ	15	15	19.5/30	15	7	19/30	15
					Điểm thi THPT	10	3	17/30	10	1	19/30	10
					Khác	5	0		5	0		5
5	7720601	Kỹ thuật xét	7720601	Kỹ thuật xét	Học bạ	30	40	19/30	30	25	19/30	30



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
		nghiệm y học		nghiệm y học	Điểm thi THPT	15	10	19/30	15	4	19/30	15
					Khác	5	13		5	17		5
6	7340101	Quản trị bệnh viện	7340101	Quản trị kinh doanh	Học bạ	25	0	15/30	25	2	15/30	25
					Điểm thi THPT	20	0	0	20	0	0	20
					Khác	5	0	0	5	0	0	5
7	7310401	Tâm lý học (Định hướng lâm sàng và tham vấn tâm lý)	7310401	Tâm lý học	Học bạ	-	-	-	-	-	-	-
					Điểm thi THPT	-	-	-	-	-	-	-
					Khác	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Ngành Tâm lý học bắt đầu tuyển sinh từ năm 2026.

Nhân viên tuyển sinh



ThS. Nguyễn Văn Minh

(Điện thoại: 0981.559.255; Email: tuyensinh@pctu.edu.vn)

TP. Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. BS. Lê Văn Cường